

Bản án số: 245/2023/HS-ST

Ngày: 29/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Hạnh

Ông Lê Quang Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Kim Oanh - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Lê Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 200/2023/TLST-HS ngày 11/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân P, sinh năm 1958 tại huyện H, tỉnh T3.

Nơi cư trú: thôn Q, xã H1, huyện H, tỉnh T3; Nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH xây dựng thương mại T; Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị C (đều đã chết); có vợ Vũ Thị T1, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự; không; tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến ngày 17/3/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Minh H2, sinh năm 1986 tại huyện H, tỉnh T3.

Nơi cư trú: thôn Q, xã H1, huyện H, tỉnh T3; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH xây dựng thương mại T; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân P (bị cáo trong vụ án) và bà Vũ Thị T1; có vợ Nguyễn Thị T2, có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự; không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bùi Thị Phương L – sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn X, xã H3, huyện H, tỉnh T3;

2. Lê Văn M – sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn V, xã H1, huyện H, tỉnh

T3;

3. Nguyễn Văn Q1 – sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn B, xã H4, huyện H, tỉnh T3;

4. Nguyễn Ngọc T4 – sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H1, huyện H, tỉnh T3;

5. Vũ Văn L1 – sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã H1, huyện H, tỉnh T3.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/6/2022 và 01/7/2022 Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về Môi trường Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện tại núi H5, xã H1, huyện H, Công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) T đang khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường vượt ra ngoài mốc giới được cấp phép theo Giấy phép số 208/GP-UBND ngày 27/5/2015 là 28.277,8m², tại khu vực này có 01 bánh xích KOMATSU 200 màu vàng ở vị trí tọa độ X = 2216283, Y = 585165 (máy xúc đã được tháo động cơ dầu, lắp động cơ điện). Đoàn mỏ địa chất thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T3, tiến hành đo đạc khu vực khai thác, kết quả như sau:

- Diện tích khai thác ngoài ranh giới mỏ là 28.277,8m², trong đó phần diện tích (I) là 4.764m² không xác định được khối lượng do không có hồ sơ, tài liệu làm cơ sở tính T1 khối lượng; phần diện tích (II, diện tích đã được UBND tỉnh T3 phê duyệt trữ lượng thăm dò) là 23.513,8m², khối lượng khoáng sản đã khai thác trái phép là 480.617,9m³.

- Tổng khối lượng đá vôi còn lại tại 03 khu vực mỏ được cấp phép khai thác là: 215.581,4m³ ; trong đó: Khu vực khai thác 1: 50.636,4m³; Khu vực khai thác 2: 0m³ (đã khai thác hết trữ lượng trong ranh giới khu vực 2); Khu vực khai thác 3: 164.945 m³ (*Đơn vị chưa khai thác từ khi cấp phép, hiện trạng địa hình tương đồng với địa hình khi cấp phép năm 2015, trữ lượng lấy theo Báo cáo thăm dò khoáng sản đã được UBND tỉnh T3 phê duyệt*).

Khám nghiệm hiện trường: Khu mỏ đá của Công ty TNHH T phía bắc giáp khu mỏ của Công ty Đ2, Phía đông giáp Công ty T5, phía tây giáp Công ty TNHH H6, phía nam là đường đi và khu đồng ruộng, hiện đang trong quá trình khai thác. Bên trong khu mỏ của Công ty TNHH T, cổng ra vào được mở ở phía nam, bên trong cổng là nhà điều hành, phía đông nhà điều hành là khu vực khai thác số 3, tiếp giáp phía tây và tây bắc khu nhà điều hành là khu khai thác số 2, cách điểm mốc phía bắc khu số 2 là 72,3m về phía bắc là khu khai thác số 1. Tổng chiều dài toàn tuyến đang khai thác là 647m, chiều rộng trung bình toàn tuyến là 108m.

Khu vực khai thác số 3 là núi đá còn tương đối nguyên trạng, kích thước của khu đo được là 120m x 36m.

Khu vực khai thác số 2 hiện tại đã được khai thác gần hoàn toàn, có kích thước đo được là 125m x 90m; cao độ trung bình hiện tại là 4,69m. Trên khu khai thác có một nhà xưởng mái tôn và các máy móc phục vụ sản xuất.

Khu khai thác số 1 cách khu khai thác số 2 là 72,3m về phía bắc, diện tích khu này là 110m x 80m, cao độ thấp nhất là 8,68m, cao độ cao nhất là 36,6m. Hiện tại đang trong quá trình khai thác, mặt trên của khu tương đối bằng phẳng tạo thành tầng trên; từ khu vực khai thác số 2 có đường đi lên trên khu khai thác số 1 theo chiều vát dốc Nam Bắc của núi; phía dưới chân khu khai thác số 1 có đường đi dọc theo chân núi về khu số 2 và ra cổng. Mặt phía đông của khu vực 1 đang được khai thác tạo thành vách tương đối thẳng và có các khối đá treo, đá om.

Sát với khu vực khai thác số 2 về phía bắc và sát phía tây khu khai thác số 1 là một khu núi đang trong quá trình khai thác, kích thước của khu đo được là 275m x 150m; cao độ bãi đất đá dưới chân (thấp nhất) là 59m; cao độ trung bình đỉnh của khu này là 110m. Hiện tại chân núi này có các khối đất đá. Phần đang khai thác thuộc sườn phía đông bắc và Nam của núi tạo thành vách dựng đứng, bên trên của các khối đá om, đá treo.

Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thanh Hóa đã tạm giữ hai ổ cứng Camera theo dõi khu vực khai thác.

Quá trình điều tra, xác định: Công ty TNHH xây dựng và thương mại T (Công ty TNHH T) trước đây là Doanh nghiệp tư nhân T, mã số doanh nghiệp 2800834689, đăng ký lần đầu ngày 21/9/2004 vốn điều lệ 1.200.000.000đồng; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/6/2021 vốn điều lệ 20.000.000.000đồng. Ngành nghề kinh doanh là khai thác, sản xuất chế biến khoáng sản, xây dựng do Nguyễn Xuân P làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Hàng năm Nguyễn Xuân P ký quyết định bổ nhiệm mình làm Giám đốc điều hành mỏ và bổ nhiệm Nguyễn Minh H2 (là con trai) giữ chức vụ chỉ huy nổ mìn tại mỏ đá vôi xã H1, huyện H, tỉnh T3; các công nhân khai thác, chế biến đá được ký hợp đồng thuê theo thời vụ và trả lương theo ngày công lao động.

Ngày 27/5/2015 UBND tỉnh T3 cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số: 208/GP-UBND cho Công ty TNHH T được khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích mỏ là 30.480 m² tại xã H1, huyện H, gồm 3 khu vực:

- Khu vực 1: diện tích 10.000m² trong đó diện tích khu vực khai thác là 8.800m² được giới hạn bởi các điểm góc là 1, 2, 3, 4, 5; khu vực khai trường là 1.200m² được giới hạn bởi các điểm góc 3, 4, 5, 6, 7 và 8.

- Khu vực 2: diện tích 13.200m², trong đó diện tích khai thác là 10.740m² được giới hạn bởi các điểm góc 9, 10, 11, 12, 13 và 14; diện tích khu vực khai trường là 2.540m² được giới hạn bởi các điểm góc 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19.

- Khu vực 3: diện tích 7.200m², trong đó diện tích khu vực khai thác là 4.700m² được giới hạn bởi các điểm góc 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26; diện tích khu vực khai trường là 2.500m² được giới hạn bởi các điểm góc 24, 25, 26, 27, 28, 29.

Trữ lượng địa chất là 1.043.743m³, trữ lượng khai thác là 355.200m³; công suất khai thác 12.000m³/năm; thời hạn khai thác 30 năm, mức sâu khai thác đến cos +20m.

Do có nhu cầu mở rộng mỏ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, năm 2017 Công ty TNHH T có đơn đề nghị UBND tỉnh T3 xin cấp phép mở rộng diện tích 2,67ha, nâng công suất lên 58.500 m³/năm và được UBND tỉnh T3 cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số: 370/GP-UBND, ngày 28/9/2017, cho phép Công ty TNHH T được thăm dò khoáng sản tại núi H5, xã H1, huyện H, tỉnh T3 diện tích thăm dò 2,67ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 30, 31, 32, 33, 14, 9, 10, 34 và 35. Khi có báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản của Công ty TNHH T, ngày 06/5/2018 UBND tỉnh T3 ban hành Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số: 530/QĐ-UBND với diện tích 2,67ha; trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là **1.287.666m³**, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 831.679m³ và được Sở xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ. Ngày 12/12/2018 Công ty TNHH T cũng đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 154.567.542đồng. Tuy nhiên, do hồ sơ đề xuất chưa đảm bảo quy định, chưa cung cấp được các tài liệu chứng minh trữ lượng khoáng sản đã khai thác để làm cơ sở xem xét quy mô và thời gian thực hiện dự án, tổng vốn đầu tư dự án chưa có sự thống nhất giữa các lần doanh nghiệp đề xuất thực hiện dự án, báo cáo tài C không đáp ứng được yêu cầu xây dựng, hoàn thành dự án theo quy định. Ngày 01/12/2020 và ngày 06/4/2021 UBND tỉnh T3 đã ban hành Công văn số: 16789/UBND-NC và Công văn số: 4407/UBND-CN về việc chưa chấp thuận chủ trương đầu tư mở rộng, chưa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản khu vực xin mở rộng cho Công ty TNHH T.

Nguyễn Xuân P biết rõ, khu vực xin mở rộng tại Mỏ đá núi H5, xã H1, huyện H, mới được UBND tỉnh T3 phê duyệt đánh giá trữ lượng khoáng sản; Sở xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng cơ sở mỏ, chưa được UBND tỉnh T3 cấp phép khai thác. P đã nói cho con trai là Nguyễn Minh H2 biết khu vực chưa được cấp giấy phép, H2 biết rõ, nhưng khi được P chỉ đạo H2 vẫn tổ chức các công nhân sử dụng vật liệu nổ để khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xin mở rộng mỏ, chưa được cấp phép khai thác. Các công nhân không được Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 thông báo cho biết khu vực khai thác đá vôi có hay không có giấy phép (*bao gồm cả khu vực khai thác theo Giấy phép số 208/GP-UBND và khu vực ngoài mốc giới*).

Sản lượng đá vôi sau nổ mìn được đưa vào máy móc tạo thành các sản phẩm như đá 1 x 2, đá 3 x 4 hoặc đá ốp lát, bán cho khách hàng, do khách hàng không có nhu cầu xuất hóa đơn nên Công ty TNHH T không xuất hóa đơn và cũng không

mở sổ theo dõi; số còn lại được đổ, thải ra khu vực khai trường để tạo mặt bằng và làm đường đi.

Quá trình khai thác vật liệu xây dựng thông thường, do khai thác không đúng phương pháp và không đúng trình tự khai thác đã xác định trong thiết kế mỏ được duyệt. Ngày 29/3/2019 UBND tỉnh T3 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, đối với Công ty TNHH T 60.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác khoáng sản 06 tháng kể từ ngày 15/01/2019, đến nay Công ty TNHH T đã chấp hành xong.

Ngày 24/11/2022 Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường. Kết luận: Mẫu đá do Công ty T khai thác là khoáng sản đá vôi dùng cho vật liệu xây dựng thông thường (đá xô bồ).

Tại bản giám định số 1083/KL-KTHS ngày 15/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T3. Kết luận: Dữ liệu trong ổ cứng Camera nhãn hiệu @JHUA và nhãn hiệu HIK VISION có 5829 tệp Video, dung lượng 549.993GB dữ liệu (các dữ liệu ghi lại hình ảnh khu vực mỏ), không tìm thấy dữ liệu đã xóa trong ổ cứng của đầu ghi gửi giám định.

Tại bản giám định tư pháp số: 342/KL-ĐCBTB ngày 15/8/2023 của Liên đoàn mỏ địa chất Bắc Trung Bộ, Cục địa chất Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kết luận:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác trong diện tích được cấp phép khai thác (theo Giấy phép 208/GP-UBND) là 647.789m^3 (trừ lượng cấp 122) trong đó: Tại khu vực số 1 đã khai thác 63.358m^3 ; khu vực số 2 đã khai thác 570.164m^3 (đã khai thác hết trữ lượng được cấp phép); khu vực khai thác 3 đã khai thác 14.267m^3 .

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác ngoài diện tích được cấp phép là 497.176m^3 , trong đó: Tại khu vực số 1 đã khai thác 161.139m^3 (trừ lượng cấp 122); tại khu vực số 2 đã khai thác 239.862m^3 (trừ lượng cấp 121), tại khu vực số 3 đã khai thác 61.257m^3 (trừ lượng cấp 121); tại khu vực số 4 đã khai thác 27.873m^3 (trừ lượng cấp 121), tại khu vực số 5 đã khai thác 7.045m^3 (trừ lượng cấp 122).

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 7 Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và môi trường trị giá khoáng sản cấp trữ lượng 121 có độ tin cậy tối thiểu 80%, cấp trữ lượng 122 có độ tin cậy tối thiểu 50%. Như vậy, khối lượng đá Công ty TNHH T đã khai thác ngoài phạm vi mốc giới chưa được cấp Giấy phép là 347.285m^3 (trong đó trữ lượng cấp 122 là $168.184\text{m}^3 \times 50\% = 84.092\text{m}^3$; trữ lượng cấp 121 là $328.992\text{m}^3 \times 80\% = 263.193\text{m}^3$).

Ngày 15/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Yêu cầu định giá tài sản số 215/YC-CSKT đề nghị Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng tỉnh T3 định giá khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường do Công ty TNHH T khai thác ngoài phạm vi mốc giới.

Ngày 09/8/2023, Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh T3. Kết luận: 01m^3 khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường do

Công ty TNHH T khai thác trái phép (giá trị được tính tại khu vực mỏ, không tính chi phí khai thác) thời điểm năm 2018 là 15.308đ, thời điểm năm 2019 là 15.001đ, thời điểm năm 2020 là 16.013đ, thời điểm năm 2021 là 16.528đ, thời điểm năm 2022 là 15.628đ.

Tuy nhiên, Liên Đoàn mỏ địa chất Bắc Trung bộ chỉ xác định tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác trái phép từ năm 2018 đến thời điểm đo đạc (tháng 7/2023), không xác định được khối lượng khai thác theo từng năm, nên áp dụng đơn giá trung bình cho các năm, từ 2018 đến năm 2022 là 15.695đ.

Như vậy, trị giá khoáng sản Công ty TNHH T khai thác trái phép (ngoài phạm vi theo Giấy phép khai thác số 208/GP-UBND) tại núi H5 là $347.285\text{m}^3 \times 15.696 \text{ đồng} = 5.450.985.360\text{đ}$.

Cáo trạng số 35/CT-VKS-P3 ngày 08/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Ngày 28/9/2023, Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 đã nộp 700.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để khắc phục một phần hậu quả.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Xuân P 30-36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyễn Minh H2 24-30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48-60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Truy thu của Nguyễn Xuân P 5.450.985.360đ, đã nộp 700.000.000đ, còn phải nộp tiếp 4.750.985.360đ.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 máy xúc hiệu Komatsu, 02 ổ cứng camera không còn giá trị sử dụng.

Giao Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H, tỉnh T3 giám sát giáo dục.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng, và hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, của Điều tra viên, Kiểm sát viên, thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong

hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Nguyễn Xuân P là Giám đốc Công ty TNHH T và Nguyễn Minh H2, biết rõ khu vực xin mở rộng mỏ chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh T3 cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nhưng do động cơ vụ lợi, Nguyễn Xuân P vẫn chỉ đạo H2 và người lao động của Công ty TNHH T khai thác trái phép đá làm vật liệu xây dựng. Từ cuối năm 2018 đến tháng 7/2022, Công ty TNHH T do P làm giám đốc, H2 là chỉ huy nỗ lực đã khai thác ngoài phạm vi mốc giới chưa được cấp giấy phép là 347.285m^3 (trong đó trừ lượng cấp 122 là $168.184\text{m}^3 \times 50\% = 84.092\text{m}^3$; trừ lượng cấp 121 là $328.992\text{m}^3 \times 80\% = 263.193\text{m}^3$), giá trị khoáng sản đã khai thác trái phép là 5.450.985.360đ.

Hành vi của Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 đã cấu thành tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới tài nguyên là mỏ đá thuộc quyền quản lý của Nhà nước, mà còn ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng tới tình hình trị an xã hội, vì vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng, đồng thời phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này hai bị cáo có quan hệ huyết thống, Nguyễn Xuân P là bố đẻ Nguyễn Minh H2, đồng thời là giám đốc Công ty TNHH T là người đại diện theo pháp luật của công ty, người biết rõ khu vực mỏ chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh T3 cấp phép khai thác, nhưng vẫn chỉ đạo Nguyễn Minh H2 khai thác nên bị cáo giữ vai trò đầu. Nguyễn Minh H2 thực hiện việc khai thác theo chỉ đạo của Nguyễn Xuân P, có vai trò giúp sức, thứ yếu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 đã nộp 700.000.000đ tiền giá trị khoáng sản đã khai thác trái phép- là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nguyễn Xuân P có mẹ đẻ Vũ Thị C là mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, huy chương, có 02 anh trai là liệt sỹ, trước khi bà Vũ Thị C chết, Nguyễn Xuân P là người trực tiếp nuôi dưỡng, Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 có nhiều đóng góp trong phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương; ủng hộ tiền xây dựng nhà cho mẹ liệt sỹ Lê Thị N (thôn T6, xã H1, huyện H), ủng hộ đồng bào Miền Trung lũ lụt, và phòng chống Covid-19 - là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành người tốt.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho C quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời phù hợp quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự,

nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Đối với giá trị khoáng sản (đá) đã khai thác trái phép là 5.450.985.360đ cần truy thu của bị cáo Nguyễn Xuân P để nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Về vật chứng: Chiếc máy xúc bánh xích hiệu KOMATSU 200 màu vàng, Model PC220LC, Seial 20136 của Nguyễn Xuân P dùng để khai thác đá tại khu vực chưa được cấp phép nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước; 02 ổ cứng camera theo dõi an ninh khu vực khai thác mỏ của Nguyễn Xuân P nhãn hiệu @JHUA và HIK VISION không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Xuân P.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố:** Nguyễn Xuân P, Nguyễn Minh H2 phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” .

*** Áp dụng:** điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I, điểm c khoản 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

*** Xử phạt:**

- Nguyễn Xuân P 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Minh H2 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Xuân P và Nguyễn Minh H2 cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H, tỉnh T3 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

*** Xử lý vật chứng:** - Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 máy xúc bánh xích hiệu KOMATSU 200 màu vàng, Model PC220LC-3 Seial 20136 của Nguyễn Xuân P, hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh T3 đang tạm gửi tại Công ty TNHH cứu hộ 116 T3, theo biên bản giao nhận vật chứng số 222/2023/TV-CTHADS

ngày 26/9/2023 giữa: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa và Công ty TNHH cứu hộ 116 Thanh Hóa.

- Trả lại cho Nguyễn Xuân P 02 ổ cứng camera nhãn hiệu @JHUA và HIK VISION (đựng trong thùng cát tông được dán kín niêm phong có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa) hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 222/2023/TV-CTHADS ngày 26/9/2023 giữa: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- Truy thu số tiền 5.450.985.360đ của Nguyễn Xuân P để sung quỹ Nhà nước, Nguyễn Xuân P đã nộp 700.000.000đ (theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000742 ngày 28/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa), còn phải nộp tiếp 4.750.985.360đ.

*** Án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT PC03 Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Hùng